TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **222**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/12/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Đào

Ông Trương Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án Nhân dân Khu vực 7 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Khu vực 7- Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7-Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST - HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đinh Quang T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn Hòa Bình, xã C, thành phố Đà Nẵng.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn Hòa Bình, xã C, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các phiên hòa giải nguyên đơn ông Đinh Quang T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Quang T khai vợ chồng tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND xã Tam Thái, nay là xã C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông có quan hệ ngoại tình , dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Ông và bà Toàn có hai con chung là Đinh Nguyễn Hồng N, sinh ngày 11/11/2008 và Đinh Nguyễn Ngọc T , sinh ngày 16/05/2016. Khi ly hôn, ông có nguyện vọng giao hai con cho vợ nuôi, ông cấp dưỡng nuôi con Đinh Nguyễn Ngọc T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các phiên hòa giải, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T kết hôn vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn như ông T trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T có quan hệ ngoại tình, bà cũng cho ông T sửa sai nhưng ông T vẫn không thay đổi. Bà thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn , hiện con đang còn nhỏ , việc ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tâm lý , tinh thần của con nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T có hai con chung như ông Thừa trình bày. Nếu ông T kiên quyết ly hôn , thì bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con , yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con Đinh Nguyễn Ngọc T 2.000.0000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng; nguyên đơn, bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Về quan hệ hôn nhân: cho ông Đinh Quang T ly hôn với bà Nguyễn Thị T. Về nuôi con chung: giao con Đinh Nguyễn Hồng N , sinh ngày 11/11/2008 và Đinh Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 16/5/2016 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ông T cấp dưỡng nuôi con Đinh Nguyễn Ngọc T 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên. Về chia tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được công bố tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: ông Đinh Quang T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con khi ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Thị T có nơi cư trú tại thôn Hòa Bình, xã C, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đà Nẵng là đúng theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ Nguyễn Thị T đến lần thứ hai nhưng bà T vẫn vắng mặt tại phiên tòa; ông Đinh Quang T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Đinh Quang T và bà Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Thái, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam vào năm 2010 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông T có quan hệ ngoại tình, từ đó dẫn đến vợ chồng bất đồng, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải để đoàn tụ gia đình nhưng ông T vẫn kiên quyết ly hôn. Xét thấy, ông T và bà T đã nhiều lần xin ly hôn, mâu thuẫn giữa ông T và bà T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Đinh Quang T là đúng quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng ông T và bà T có 2 con chung Đinh Nguyễn Hồng N, sinh ngày 11/11/2008 và Đinh Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 16/5/2016. Nếu ly hôn, bà T và ông T thỏa thuận giao con chung Đinh Nguyễn Hồng N , sinh ngày 11/11/2008 và Đinh Nguyễn Ngọc T , sinh ngày 16/5/2016 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ông T cấp dưỡng nuôi con Đinh Nguyễn Ngọc T 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên. Xét thấy, sự thỏa thuận của bà T và ông T phù hợp với nguyện vọng của các con. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà T và ông T về việc nuôi con chung là đảm bảo quyền lợi của con và đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Quang T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Quang T và bà Nguyễn Thị T ly hôn.

Về nuôi con chung: giao con Đinh Nguyễn Hồng N , sinh ngày 11/11/2008 và Đinh Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 16/5/2016 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Ông Đinh Quang T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Đinh Nguyễn Ngọc T 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho đến khi con thành niên đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên, nếu bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: ông Đinh Quang T phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002857 ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Đinh Quang T còn phải nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND xã Chiên Đàn, TP.Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Trung Thành